

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+CLO+BK8	7:25	4+18+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
2		BK9+CTK3+TD1	7:25	0+3+18	0+0+0		0+3+18	0+0+0	chuyen 1 bk9- ctk3
3		P8+P4	9:25	13+7	0+0		2+20	0+0	
4		CLO+TD1	9:25	10+12	0+0		6+16	0+0	
5		TD5+TD1+P9	11:25	4+18+0	0+0+0		0+0+8	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2024	TO: TD3 - CLO - BK8	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CUÔNG - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH ĐỨC	TD3	88	1	10	15	92	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	TD3	90-91	2	20	67	64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TD3	87	1	10	38	71	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH LỢI	TD3	86	1	14		61	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN HUNG	CLO	44	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
6	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	33-34	2	8		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN VINH	CLO	49	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	43	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN LY	CLO	37-38	2	20		60	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	52,94	2	12		69	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN KIM HÙNG	CLO	32	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU HOANG QUÂN	CLO	40	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
13	LUÔNG NGỌC KHUÔNG	CLO	95	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM MINH HOANG	CLO	39	1	10		95	KHOAN	Vietnamese
15	SIDORSKIY DMITRY	CLO	47	1	15		92	ANTOAN	Russian
16	NGUYỄN XUÂN PHÚ	CLO	41-42	2	9		82	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	31	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN ĐÌNH	CLO	35	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ MINH HIỆP	CLO	36	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	48	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	45-46	2	19		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	5	54	288	120	0		
2	CLO	17	22	170	1.253	0	18		
3	BK8	0	0	0	0	10	4		
TOTAL		21	27	224	1.541	130	22		
WEIGHT KG				224	1.541	130			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/09/2024	TO: BK9 - CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHANG - HTRUNG - QTRUONG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	49	1	5	40	65	YTE	Vietnamese
2	LÊ THANH HÀ	CTK3	48	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN TIẾN	CTK3	47	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH MẠNH DỤC	CTK3					70	SBAY	Vietnamese
5	STESHIN VALERIY	TD1	700	1	10		152	KHOAN	Russian
6	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	003	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	04	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
8	MAI XUÂN TUNG	TD1	001	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	03	1	3		70	PSV	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC HẢI	TD1	002	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
11	QUÁCH VĂN THẮNG	TD1	05	1	8	70	70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THÀNH	TD1	93-94	2	10		74	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN MINH	TD1	01	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ MẠNH HẢI	TD1	99	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUANG SANG	TD1	02	1	7		54	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ MẠNH HÙNG	TD1	09	1	10		78	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	95	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC THAI	TD1	97	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOÀN TUẤN TÚ	TD1	96	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	98	1	7		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 01 PAX TU BK9 SANG CTK3
2	CTK3	4	3	25	277	40	3		
3	TD1	16	17	100	1.222	70	18		
TOTAL		20	20	125	1.499	110	21		
WEIGHT KG				125	1.499	110			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2024	TO: P8 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.CƯỜNG - HUY	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TIẾN	P8	98	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
2	BELAIEV S.	P8	95	1	15		80	KH-THAC	Russian
3	VŨ NGỌC TỰ	P8	01	1	14		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC KHÔI	P8	99,600	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC HÙNG	P8	02	1	8	15	90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN VŨ	P8	04	1	9		77	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HỮU	P8	96	1	10	17	65	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG MINH	P8	05	1	9	95	69	CODIEN	Vietnamese
9	PHAN PHI LONG	P4	72-73	2	18	60	73	XAYLAP	Vietnamese
10	CHU TIẾN CƯỜNG	P4	77-78	2	16		62	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN MẠNH	P4	76	1	15		105	XAYLAP	Vietnamese
12	LƯU VĂN LUẬN	P4	85	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
13	MAI VĂN MINH	P4	84	1	14		71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	P4	81-82	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC CHÍN	P4	74-75	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
16	LAI DANG ROONG	P4	79-80	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN HỒNG THANH	P4	83	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	9	89	596	127	2		
2	P4	9	14	144	651	60	20		
TOTAL		17	23	233	1.247	187	22		
WEIGHT KG				233	1.247	187			

GRAND TOAL: 1.667 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2024	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG' - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH TÂM	CLO	52-53	2	12	40	70	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	47	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	54-56	3	15		63	KHOAN	Vietnamese
4	TÔ ANH TUÂN	CLO	44-45	2	17		74	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ THẾ CÔNG	CLO	48	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	CLO	500	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN DUY ĐỨC	CLO	98	1	11		84	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HAI NGÂN	CLO	46	1	13		62	KHOAN	Vietnamese
9	LẠI CAO THANH	CLO	99	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN MINH BẠCH	CLO	51	1	6		61	PSV	Vietnamese
11	HOANG VAN QUYEN	CLO	49-50	2	20		65	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD1	88	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
13	LẠI ĐỨC LAM	TD1	82	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1	81	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ THANH CÔNG	TD1	80	1	4	109	69	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ TUÂN ANH	TD1	77-78	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
17	BUI NGỌC QUANG	TD1	84	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	87	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
19	ĐO QUANG LỤC	TD1	79	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ QUÝ VINH	TD1	85	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ VIỆT THANH	TD1	86	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
22	ĐO VĂN QUANG	TD1	83	1	8		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	11	16	134	762	40	6		
2	TD1	11	12	72	797	109	16		
TOTAL		22	28	206	1.559	149	22		
WEIGHT KG				206	1.559	149			

GRAND TOAL: 1.914 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2024	TO: TD5 - TD1 - P9	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - DTUNG	ETA: 14:00
XANH - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN VAN NGHIA	TD5	26	1	15		85	DVL	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HOANG	TD5	28	1	4		70	DVL	Vietnamese
3	TRAN VAN HIEP	TD5	25	1	15		75	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN HUU VIET	TD5	27	1	14		59	DVL	Vietnamese
5	PHAN DO CHAU TUAN	TD1	42	1	16		100	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN THI	TD1	57	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	VU HAI THANG	TD1	39	1	12		74	DVL	Vietnamese
8	LY NHAT TRUONG	TD1	53	1	3		75	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC NINH	TD1	50	1	16		72	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC SON	TD1	43	1	17		72	DVL	Vietnamese
11	VU MANH NAM	TD1	44	1	5		75	DVL	Vietnamese
12	DO VAN THAI	TD1	40	1	11	35	67	DVL	Vietnamese
13	TRAN VAN MANH	TD1	56	1	10	20	70	DVL	Vietnamese
14	LE THANH TRUNG	TD1	49	1	10		68	DVL	Vietnamese
15	TRAN CONG CHIEN	TD1	58	1	12		80	DVL	Vietnamese
16	PHAM QUANG TRUNG	TD1	55	1	10		80	DVL	Vietnamese
17	LE VAN NGOC	TD1	48	1	3		78	PSV	Vietnamese
18	VU HOANG QUAN	TD1	41	1	3		54	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN SY	TD1	54	1	3		52	PSV	Vietnamese
20	DAU DUC HUNG	TD1	45	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	LE VAN TINH	TD1	46-47	2	6		57	PSV	Vietnamese
22	DO MINH TOAN	TD1	51-52	2	15		112	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	4	4	48	289	0	0		
2	TD1	18	20	160	1.333	55	1		
3	P9	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	24	208	1.622	55	9		
WEIGHT KG				208	1.622	55			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+CTK3+BK20	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	chuyen 4 pax ctk3-bk20
2		P4+TD2	7:25	6+16	0+0		2+20	0+0	
3		RP2	9:25	22	0		22	0	
4		TD2	9:25	22	0		22	0	
5		RP3+RC4+P3	10:25	0+3+15	0+0+0		0+0+19	0+0+0	chuyen 1 rc4- p3 ec225
6		AMD+P4	11:25	19+0	0+0		15+4	0+0	puma
7		P7+P4	11:25	17+5	0+0		13+9	0+0	
8		P11+P5+AMD	11:25	2+14+6	0+0+0		0+12+10	0+0+0	
9		P4+P1	13:15	15+4	0+0		15+4	0+0	ec225

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2024	TO: P1 - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: N 1	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - TÚ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A	P1	82	1	6		102	KH-THAC	Russian
2	KISELEV I	P1	83	1	10		98	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN HOANG VINH	P1	75	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM XUAN HOANG	P1	74	1	11		89	KH-THAC	Vietnamese
5	TA QUOC VIET	P1	79-80	2	19		63	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TUAN	P1	67-68	2	16		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA LINH	P1	72	1	17	15	65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGUYEN HOANG LONG	P1	87-88	2	20		96	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG HIEU	P1	84	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG ANH TUAN	P1	89-90	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
11	LE KIEN TRUNG	P1	69	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN LONG BIEN	P1	81	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HUU DUNG (HLO)	P1	76-78	3	19		84	KH-THAC	Vietnamese
14	LE DINH PHUC	P1	85-86	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THE VINH	P1	64	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	TO QUANG ANH	P1	73	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI HUY NGHIEP	P1	65	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN THANG	P1	63	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUANG MINH (HLO)	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM SY HIEP	P1	70	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
21	VU NAM CUONG	P1	66	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐANG QUANG ĐUC	P1	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	28	214	1.668	15	19		CHUYEN 4 PAX CTK3-BK20
2	CTK3	0	0	0	0	0	0	4	
3	BK20	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	28	214	1.668	15	19		
WEIGHT KG				214	1.668	15			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2024	TO: P4 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: N 2	FROM: VT	CREW: DUONG - NPHU - MQUAN	ETA: 09:25
CAM-1			

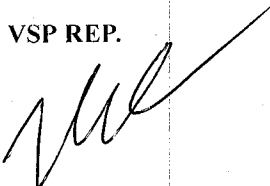
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ DUY TOAN	P4	64	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	67	1	4	100	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BĂNG (HLO)	P4	66	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THAI SƠN	P4	68	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HOANG	P4	65	1	15		88	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TRUNG CHÍNH	P4	63	1	11		61	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN CHÍNH	TD2	61	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
8	VƯƠNG ĐÌNH LIÊN	TD2	58	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGỌC DŨNG	TD2	57	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN CƯỜNG	TD2	53	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	62	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ ANH QUÂN	TD2	65-66	2	13		74	KHOAN	Vietnamese
13	MAI VĂN HOANG	TD2	59	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HAI	TD2	64	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ NGỌC BÈN	TD2	56	1	16		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TÀ HỒNG QUÂN	TD2	60	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THANH BÌNH	TD2	54	1	7		85	ANTOAN	Vietnamese
18	NGÔ QUANG HUNG	TD2	67	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	63	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH DUY HAI	TD2	68	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	55	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
22	VŨ THẬP TOÀN	TD2					67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

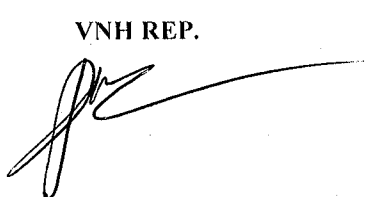
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	6	6	48	416	100	2		
2	TD2	16	16	106	1.132	0	20		
TOTAL		22	22	154	1.548	100	22		
WEIGHT KG				154	1.548	100			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2024	TO: RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: N 3	FROM: VT	CREW: HUNG - MTHAO - TÚ	ETA: 11:40
CAM-2			

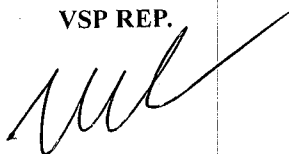
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG ĐIệp PHI	RP2				100	80	KHOAN	Vietnamese
2	VU VĂN DOANH	RP2					72	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐÌNH THANH	RP2	57	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HẬU	RP2	44	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN LÊ KIẾN	RP2	84	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU NAM	RP2	51	1	10		89	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	RP2	48	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN DUY TÂN	RP2	65	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUYNH	RP2	52	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VĂN THANH	RP2	45	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUYẾN	RP2					62	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGỌC TÚ	RP2	54	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN HÒA	RP2	47	1	8		79	KHOAN	Vietnamese
14	HUYNH TRUNG NGHĨA	RP2	55	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP2	85	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
16	NGO VĂN SANG	RP2	49-50	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU VĂN ĐIỂN	RP2	46	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HOÀI THIÊN	RP2	58	1	10		77	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG BA VINH	RP2	53	1	16		93	DVL	Vietnamese
20	TRẦN MINH HƯNG	RP2	56	1	9		87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

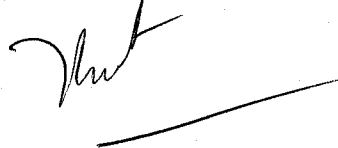
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	20	18	126	1.442	100	22		
	TOTAL	20	18	126	1.442	100	22		
	WEIGHT KG			126	1.442	100			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2024	TO: TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: N 4	FROM: VT	CREW: DU'ONG - NPHU - MQUAN	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUC THANH	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG XUAN KIEN	TD2	89-90	2	6		68	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC HA TRUNG	TD2	78	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
4	LE MINH DUC	TD2	73	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN CHI DUC	TD2	70	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VAN HUAN	TD2	72	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUAN	TD2	71	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	TRUONG VAN NGUYEN	TD2	84	1	9		49	KHOAN	Vietnamese
9	MAI DUC THAN	TD2	69	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN HUNG	TD2	75	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN MINH	TD2	77	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
12	CU THANH NHAN	TD2	81-82	2	6		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN DONG	TD2	74	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC CHIEN	TD2	86-87	2	13		82	DANG KIEN	Vietnamese
15	LE NGOC HOA	TD2	85	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DAI HUNG	TD2	80	1	7		75	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN KHUONG	TD2	91	1	8		56	PSV	Vietnamese
18	HO QUOC VU	TD2	76	1	5		69	PSV	Vietnamese
19	ĐINH EM	TD2	83	1	3		68	PSV	Vietnamese
20	KIEU MINH QUYET	TD2	79	1	5		66	PSV	Vietnamese
21	TRAN LONG NHAT	TD2	88	1	9		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	23	132	1.426	0	22		
	TOTAL	21	23	132	1.426	0	22		
	WEIGHT KG			132	1.426	0			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2024	TO: RP3 - RC4 - P3	AIRCRAFT: 622	ETD: 10:45
FLIGHT: N 8	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - LTUÂN	ETA: 12:35
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIẾN DUÂN	RP3	67-68	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HẠNH	RP3	71-72	2	20	4	37	51	CODIEN	Vietnamese
3	LUU SUNG BA	RP3	69-70	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN PHI DAN	P3	01	1	10	2	35	56	YTE	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC THUẬN	P3	14	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN THANH	P3	15	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
7	LUÔNG HỮU HẬU (HLO)	P3	03	1	9			93	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI THẾ DƯƠNG	P3	05	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	P3	17	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	12-13	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN BUI NAM	P3	41	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	02	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH PHONG	P3	10-11	2	7			75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC HÙNG	P3	06	1	2			90	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TIẾN	P3	16	1	9			70	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG DIỆN	P3	04	1	5			65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LOAN	P3	07	1	4			47	PSV	Vietnamese
18	CAO DUY LŨNG	P3	09	1	6			60	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HUU MANH	P3	08	1	6			70	BDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	3	177	6	48	4	37	0		
2	RC4	0	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 1 PAX RC4-P3
3	P3	16	1.161	18	110	2	35	19		
TOTAL		19	1.338	24	158	6	72	19		
WEIGHT KG			1.338		158		72			

GRAND TOAL: 1.568 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2024		TO: AMD - P4		AIRCRAFT: 614				ETD: 11:30		
FLIGHT: N 5		FROM: VT		CREW: NKHÁNH - TRÌNH				ETA: 13:20		
CAM-2										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN DAI NGHIA	AMD	74	1	7	2	40	71	HLJOC	Vietnamese
2	TRINH THUONG MAI	AMD	69-70	2	5			65	TLJOC	Vietnamese
3	HỒ ANH QUỐC	AMD	51	1	2			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	50	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HUNG	AMD	54-55	2	17			58	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	56	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	63	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ VĂN SAU	AMD	66-67	2	18			70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT LÂM	AMD	71	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	58-59	2	9			69	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	68	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
12	VU MẠNH HÀ	AMD	60-62	3	18			84	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH HỮU TÌNH	AMD	49	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	57	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SỸ QUYÊN	AMD	64	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	72-73	2	9			67	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN GIANG	AMD	53	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NHÀ	AMD	65	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH TÙNG	AMD	52	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	19	1.303	26	169	2	40	15		
2	P4	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	1.303	26	169	2	40	19		
WEIGHT KG			1.303		169		40			

GRAND TOAL: 1.512 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2024	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: N 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 14:00
TRANG-3			

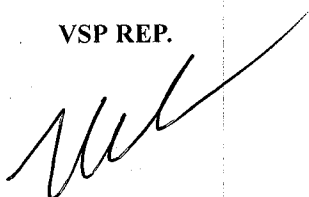
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN LƯU	P7	51	1	5			64	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P7	55	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HUY MANH	P7	63	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN LINH	P7	66-67	2	19			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P7	62	1	3	4	75	75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH TUAN	P7	49	1	10	1	16	56	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH THANH TAM	P7	64-65	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG VĂN QUANG	P7	58	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH NAM (HLO)	P7	59	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN LỢI	P7	53	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN MẠNH	P7	50	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN	P7	60	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TÂN	P7						67	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VIỆT HÙNG	P7	61	1	8			77	PSV	Vietnamese
15	ĐẠU CÔNG SAU	P7	52	1	4			84	PSV	Vietnamese
16	MAI VĂN TOAN	P7	54	1	10			58	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THẾ HANH	P7	56-57	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRỊNH VIỆT THẮNG	P4	84-85	2	20			82	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO ĐỨC HÙNG	P4	87	1	4			56	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI QUANG HOAN	P4	81-83	3	15			98	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	24	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN NGỌC TUÂN	P4	86	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P7	17	1.211	19	142	5	91	13		
2	P4	5	357	8	51	0	0	9		
TOTAL		22	1.568	27	193	5	91	22		
WEIGHT KG			1.568		193		91			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2024	TO: P11 - P5 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: N 7	FROM: VT	CREW: KHOAN - N.ANH - NNAM	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MUZAMMIL AHMAD	P11	45-46	2	11			70	PVMR	Pakistan
2	LA TUAN LINH	P11	47-48	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
3	LA VAN TOI	P5	26-27	2	19			96	YTE	Vietnamese
4	NGUYEN HO THIEN TAM	P5	35	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN BAC	P5						76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TRUNG HIEU	P5	36	1	10	1	15	70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN QUANG PHUC	P5	25	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
8	DO HOANG TRONG	P5	33-34	2	7			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	P5	32	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SY CONG (HLO)	P5	29	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH PHUC	P5	21	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TUAN	P5	30-31	2	10			69	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG BA VINH	P5	22	1	15			62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET MINH HOANG	P5	28	1	7			82	ANTOAN	Vietnamese
15	DAO VAN THANG	P5	24	1	10			70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG TRINH	P5	23	1	5			58	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	35	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
18	DO THE THANH	AMD	34	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN MANH CUONG	AMD	39	1	5			54	PSV	Vietnamese
20	HO DUC VIET	AMD	38	1	5			75	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH SU	AMD	37	1	7			63	PSV	Vietnamese
22	TRAN VAN NHAN	AMD	36	1	10			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	2	138	4	25	0	0	0		
2	P5	14	970	16	115	1	15	12		
3	AMD	6	424	6	41	0	0	10		
TOTAL		22	1.532	26	181	1	15	22		
WEIGHT KG			1.532		181		15			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/09/2024	TO: P4 - P1	AIRCRAFT: 622	ETD: 13:15
FLIGHT: N 9	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - LTUÂN	ETA: 15:05
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỮU HÀ	P4						78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HOÀNG LONG	P4	48	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TOÀN	P4	55	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG	P4	50	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	43	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU VĂN ĐẠT	P4	47	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN BA	P4	42	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAM VĂN QUANG	P4	53	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ANH THĂNG	P4	49	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ TÂN DUNG	P4	54	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	52	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HỒNG TRUNG	P4	51	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	90	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC SANG	P4	88-89	2	13			54	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH XUAN TOAN	P4	44-46	3	15			67	T-TIN	Vietnamese
16	VÔ HỒNG HAI	P1	02	1	9	2	35	62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ANH SƠN	P1	01	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	04	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	03	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

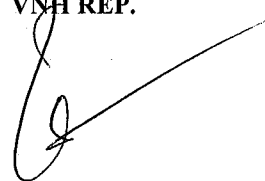
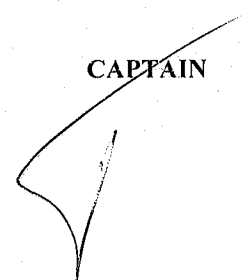
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	15	1.032	17	94	0	0	15		
2	P1	4	275	4	26	2	35	4		
TOTAL		19	1.307	21	120	2	35	19		
WEIGHT KG			1.307		120		35			

GRAND TOAL: 1.462 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

đính VSP